

Số: 82/2024/QĐST-HNGĐ

Điện Biên, ngày 09 tháng 9 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 168/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024 giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị **Quàng Thị B** – Sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Đội 17, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- **Bị đơn:** Anh **Bạc Cẩm T** – Sinh năm 1991.

NDKHKTT: Đội 17, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Hiện đang đi cai nghiện tại: Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Điện Biên. Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 8 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Quàng Thị B và anh Bạc Cẩm T.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1. Về quan hệ hôn nhân:**

Chị Quàng Thị B và anh Bạc Cẩm T thuận tình ly hôn.

**2.2. Về con chung:** Chị Quàng Thị B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Bạc Cẩm V sinh ngày 20/7/2010 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị B và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu

cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

### **2.3. Về quan hệ tài sản:**

Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

**2.4. Về án phí:** Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 147/BLTTDS; khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị B và anh T mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí DSST. Chị B tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0000268 ngày 07/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Chị B được hoàn trả lại số tiền 150.000 đồng. Chị B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.**

#### ***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Điện Biên;
- UBND xã T, huyện Đ (Nơi đăng ký kết hôn);
- Chi cục THADS huyện Điện Biên;
- Kế toán (để biết);
- Đương sự;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Yên**